TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/DS-PT
Ngày 17-9-2024
"V/v: Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2024/TLPT-DS, ngày 13 tháng 8 năm 2024 về *" Kiện đòi tài sản "*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 24-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị ông Nguyễn văn T kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên LVĐN.

Người đại diện theo pháp luật bà Trần Thị H - Chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh L; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 12/8/2019, giữa ông T và Công ty TNHH Một thành viên LVĐN (gọi tắt là Công ty) có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 04/HDKT về việc mua bán mủ cao su, theo hợp đồng ông T gom mủ cao su bán cho Công ty và Công ty phải thanh toán tiền cho ông T trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày ông T giao đủ mủ cao su.

Ngày 21/01/2020, ông T và Công ty đã đối chiếu và xác nhận công nợ, theo đó Công ty còn nợ ông T số tiền gốc là 220.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 06 ngày, kể từ ngày nhận mủ cao su (thời hạn này đã được ấn định trong hợp đồng kinh

tế). Ông T đã nhiều lần đòi nhưng Công ty không thanh toán nợ cho ông T, do đó ông T đã khởi kiện, được Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm tại Bản án số: 04/2021/DS-ST ngày 10/3/2021 và được Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm tại Bản án số: 24/2021/DS – PT, ngày 25/5/2021. Theo hai bản án nêu trên thì: "*Công ty TNHH MTV LVĐN có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 220.000.000 đồng*" và "*Tách yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền gốc 220.000.000 đồng thành một vụ án dân sự khác khi ông Nguyễn Văn T có yêu cầu*".

Vào ngày 10/7/2021, ông T đã ủy quyền cho ông Lê Ngọc T1 tiến hành thủ tục thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K đối với số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án. Công ty đã thanh toán và ông T đã nhận đủ số tiền 220.000.000 đồng.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền gốc tính từ ngày 22/01/2020 đến ngày 09/8/2022 là 30 tháng 17 ngày, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thành tiền là 111.629.000 đồng (Một trăm mười một triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Trần Anh L trình bày:

Việc ký kết Hợp đồng kinh tế số: 04/HDKT ngày 12/8/2019 về mua bán mủ cao su, nội dung về đối chiếu công nợ cũng như kết quả giải quyết tại 02 bản sơ thẩm và phúc thẩm như trình bày của ông T nêu trên là đúng. Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Công ty đã thanh toán xong số tiền gốc 220.000.000 đồng cho ông T. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc trả tiền lãi do chậm trả tiền gốc tính từ ngày 22/01/2020 đến ngày 09/8/2022 thì Công ty đồng ý nhưng không đồng ý với mức lãi suất nguyên đơn đưa ra mà đề nghị áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 24-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 91, 92, 147; 227, 228; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 278, 280, 351, 352, 353, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 của Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên LVĐN. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên LVĐN phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 37.250.400 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với số tiền 74.378.600 đồng (Bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/6/2024 ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 24-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm trả nợ, các bên không tranh chấp đối với hợp đồng đã ký kết. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Kiện đòi tài sản*".

[2]. *Về nội dung giải quyết vụ án và xét yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định:

Ngày 12/8/2019, giữa ông T và Công ty TNHH Một thành viên LVĐN (gọi tắt là Công ty) có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 04/HDKT về việc mua bán mủ cao su. Do các bên có tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nợ nên ông T đã khởi kiện Công ty và được giải quyết tại Bản án số: 04/2021/DS-ST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện K và Bản án số: 24/2021/DS – PT, ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông. Theo các bản án này, Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền gốc là 220.000.000 đồng và hiện Công ty đã thanh toán cho ông T số tiền này, ông T đã nhận đủ.

Đây là những tình tiết được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh.

[2.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên LVĐN trả tiền lãi do chậm trả tiền gốc tính từ ngày 22/01/2020 đến ngày 09/8/2022, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty LVĐN đồng ý với yêu cầu khởi kiện này của ông T, tuy nhiên các bên có tranh chấp về mức lãi suất áp dụng.

Ông T yêu cầu áp dụng mức lãi suất là 1,66%/tháng nhưng Công ty yêu cầu áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện:

Ngày 05/10/2021, ông Lê Ngọc T1 (là người được ông T ủy quyền) có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền gốc 220.000.000 đồng. Quá trình thi hành án, ông T1 đồng ý rút và đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đình chỉ đối với phần lãi do chậm thi hành án.

Bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên đều ghi: "*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự*". Như vậy kể từ ngày 05/10/2021 thì Công ty LVĐN phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, nói cách khác là tiền lãi do chậm thi hành án; tuy nhiên do ông Lê Ngọc T1 đã rút yêu cầu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đã đình chỉ đối với phần lãi do chậm thi hành án (Quyết định đình chỉ số: 81/QDD –CCTHADS, ngày 12/9/2022) nên Công ty không phải chịu khoản tiền này. Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoảng thời gian Công ty LVĐN chậm trả nợ gốc là từ ngày 22/01/2020 (thời điểm nguyên đơn và bị đơn thống nhất bắt đầu tính lãi) cho đến ngày 04/10/2021 là 20 tháng 12 ngày là có căn cứ.

Do các bên có tranh chấp về mức lãi suất nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự làm căn cứ tính lãi chậm trả là đúng, cụ thể:

Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

"*2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*".

Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định:

"*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy

ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Theo các quy định nêu trên thì mức lãi suất Công ty LVĐN phải chịu do chậm trả nợ gốc được xác định là 10%/năm, tức là 0,83%/tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, buộc Công ty LVĐN phải chịu số tiền lãi do chậm trả nợ gốc là: 220.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 20 tháng 12 ngày = 37.250.400 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông T có đơn yêu cầu miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST, ngày 24-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 91, 92, 147, 148; 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 278, 280, 351, 352, 353, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên LVĐN. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên LVĐN phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 37.250.400 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với số tiền 74.378.600 đồng (*Bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm đồng*).

3. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LVĐN phải chịu 1.863.000 đồng (*Một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0008034, ngày 18/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Hữu